

Số: 11/2022/QĐST-HNGĐ

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”*

K, ngày 18 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24/01/2022, giữa:
Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT: xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: xóm 7, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
Bị đơn anh Trần Văn H1, sinh năm 1979; nơi cư trú: xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1.
- 2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về con chung:* chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 13/12/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng

tính từ tháng 3/2022 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh H1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 thỏa thuận chị H nộp toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn số tiền là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004487 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện K(2);
- CCTHADS huyện K (1);
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Thẩm phán

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng